TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DIỄN CHÂU - NGHỆ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2018/HNGĐ - ST
Ngày: 18 - 04- 2018.
V/v tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIỄN CHÂU TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thế Kỷ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đoàn Thị Loan

2. Bà Lê Thị Thùy Linh

***- Thư ký phiên Tòa*:** Ông Phạm Hồng Lĩnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu – Nghệ An.

- Đại diện VKS nhân dân huyện Diễn Châu tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Huệ – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 04 năm 2018, tại hội trường Tòa án huyện Diễn Châu, xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 218/2017/TLST – HNGĐ ngày 12/10/2017 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 04 tháng 04 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Bùi Văn H, sinh năm 1989. Vắng mặt

Địa chỉ: Xóm T, xã P, huyện D, tỉnh Nghệ An .

(Có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 09/4/2018)

Bị đơn chị Lê Thị H, sinh năm 1993. Vắng mặt

Nơi ĐKHKTT: Xóm T, xã P, huyện D, tỉnh Nghệ An .

Chỗ ở hiện tại: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 18/01/2018)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/8/2017, bản tự khai ngày 13/11/2017, quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn anh Bùi Văn H trình bày:

Về hôn nhân: Anh Bùi Văn H và chị Lê Thị H kết hôn với nhau vào ngày 26/3/2012 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện D, tỉnh

Nghệ An. Ban đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Đến tháng 10/2013 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống khác nhau. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nhất là vào tháng 10/2013 chị H bỏ nhà đi, vợ chồng chồng sống ly thân từ đó đến nay chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh Bùi Văn H xin ly hôn chị Lê Thị H.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Bùi Lê Khánh H, sinh ngày 02/9/2012. Trước đây con chung ở với bố mẹ của chị H khi chị H đi làm ở Hưng Yên. Đến cuối năm 2017 (âm lịch) anh H đón con chung về ở với anh. Ly hôn anh H xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Chị H xin được trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng thì anh H không nhất trí.

Về quan hệ tài sản: Anh Bùi Văn H không yêu cầu tòa án giải quyết quan hệ tài sản chung, nợ chung vợ chồng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/01/2018, đơn xin giải quyết xét xử vắng mặt ngày 10/11/2017, đơn đề nghị về việc xin vắng mặt ngày 18/01/2018 bị đơn chị Lê Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị H thống nhất về quá trình kết hôn như anh Bùi Văn H trình bày ở trên là đúng. Vợ chồng kết hôn tự nguyện. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Đến tháng 01/2013 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng mâu thuẫn có nhiều nguyên nhân, do anh H nghe lời bố mẹ đánh đập chị H, anh H đi làm không đưa tiền cho chị H sinh sống ở nhà trong thời gian chị sinh con. Chị H phải mang con đi làm ở thành phố Vinh từ tháng 7/2013, đến năm 2014 chị H gửi con cho bố mẹ đẻ chăm sóc để đi làm công nhân nhà máy may tại Hưng Yên cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, anh Bùi Văn H xin ly hôn thì chị H cũng nhất trí ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Bùi Lê Khánh H, sinh ngày 02/9/2012. Ly hôn chị H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Hòa mỗi tháng 1.000.000đ từ tháng 01/2018.

Về quan hệ tài sản: Chị H không yêu cầu tòa án giải quyết phân chia tài sản chung, nợ chung của vợ chồng.

Đại diện VKS phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng; Nguyên đơn, Bị đơn chấp hành pháp luật theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 51; Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết

số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, khoản 1 Điều 228 BLTTDS đề nghị xử:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Văn H và chị Lê Thị H được ly hôn.

Về quan hệ con chung: Giao con chung là Bùi Lê Khánh H, sinh ngày 02/9/2012 cho anh Bùi Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Lê Thị H vì anh H chưa yêu cầu.

Chị Lê Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về quan hệ tài sản: Anh Bùi Văn H và chị Lê Thị H không yêu cầu nên miễn xét.

Về án phí: Anh Bùi Văn H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy đinh pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn chị Lê Thị H có nơi đăng ký thường trú tại Xóm T, xã P, huyện D, tỉnh Nghệ An. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu – Nghệ An. Nguyên đơn anh Bùi Văn H làm đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và bị đơn chị Lê Thị H đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn anh Bùi Văn H và bị đơn chị Lê Thị H.

[2]. Về hôn nhân: Anh Bùi Văn H và chị Lê Thị H kết hôn với nhau vào ngày 26/3/2012 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện D, tỉnh Nghệ An. Đây là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân vợ chồng anh H, chị H xảy ra mâu thuẫn là nguyên nhân kinh tế dẫn đến vợ chồng cãi vã đánh đập nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2013 đến nay không còn quan tâm đến nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cho anh Bùi Văn H và chị Lê Thị H được ly hôn.

[3]. Về con chung: Vợ chồng anh Bùi Văn H và chị Lê Thị H có một con chung là Bùi Lê Khánh H, sinh ngày 02/9/2012. Ly hôn nguyện vọng của anh H và chị H đều xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, hiện nay chị H đang đi làm ở Hưng Yên trong thời gian con chung đang ở với chị H, chị H không trực tiếp nuôi con mà nhờ ông bà ngoại chăm sóc. Hiện nay con chung đang ở với anh H. Do đó, nếu giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng sẽ không đảm bảo được điều kiện chăm sóc cháu H được tốt nhất. Vì vây, căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình giao con chung cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H vì anh H chưa yêu cầu. Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4]. Về quan hệ tài sản: Anh Bùi Văn H và chị Lê Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung và nợ nên HĐXX không xem xét.

[5]. Về án phí: Anh Bùi Văn H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Anh Bùi Văn H và chị Lê Thị H được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung là Bùi Lê Khánh H, sinh ngày 02/9/2012 cho anh Bùi Văn H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Lê Thị H vì anh H chưa yêu cầu.

Chị Lê Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về quan hệ tài sản: Anh Bùi Văn H và chị Lê Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Bùi Văn H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh H đã nộp tại chị cục thi hành án dân sự huyện D theo biên lai số 0004290 ngày 12/10/2017

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 luật THADS thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6,7 và 9 Luật THADS. Thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật THADS.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Diễn Châu;
- THADS;
- Lưu VP, HS;
- UBND xã P;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Trần Thế Kỷ